

Số: 204/2024/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 22 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Kh, sinh năm 1987

Địa chỉ: 536/43/40A Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1986

Địa chỉ: 4/13/14 Lò Lu, phường Trường Thạnh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Kh có địa chỉ cư trú ở quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số A quyền số 01/2008 do UBND Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/7/2008 và trình bày của đương sự thì ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do không có sự đồng cảm, không cùng quan điểm sống và tính tình không hợp nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng các mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều và không hòa giải được. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2015. Nay nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn và không còn tình cảm với nhau nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3] Về con chung: Ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N có 01 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 08/9/2009. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Trần Đăng K cho bà Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung thành niên.

Xét thấy, ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định của pháp luật tại các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N khai không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N khai không có nợ chung.

[6] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Kh và bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001262 ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Bà Đoàn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 08/9/2009.

Ông Trần Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến khi trẻ Trần Đăng K thành niên.

Kể từ ngày bà Đoàn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Kh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

II. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Trần Kh và bà Đoàn Thị N mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, được miễn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Kh và bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001262 ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND Phường X, Quận Y;
- Lưu hồ sơ.

Trương Lê Diễm Thúy